TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 17-3-2022

V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Ông Nguyễn Thanh Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn : Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1972;

Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà L có mặt, ông T, bà L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Vào năm 2020, bà Đỗ Thị L1 cùng chồng là ông Nguyễn Hoàng T có đứng ra làm chủ hụi, kêu gọi bà con trong ấp Cái Tắc tham gia chơi hụi. Bà L cũng có tham gia chơi 01 dây hụi do bà L1 và ông T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, khui ngày 30/8/2020, hụi tháng, gồm 27 phần, bà L tham gia 01 phần, bà đã đóng được 11 tháng với số tiền 18.000.000 đồng, bà chưa hốt hụi. Đến khoảng tháng 9/2021, bà L1 tuyên bố vỡ hụi, ngưng thu tiền hụi của bà L và cũng chưa trả lại số tiền hụi bà L đã đóng.

Do đó, bà yêu cầu bà L1 cùng chồng là ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi là 18.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị L1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Bà L1 có làm chủ hụi từ năm 2019. Ông biết bà Nguyễn Thị Kim L có tham gia chơi hụi do bà L1 tôi làm chủ hụi nhưng cụ thể số tiền như thế nào thì ông không rõ. Có lần bà L đến đóng tiền hụi ông có nhận và giao lại cho bà L1. Do dịch bệnh, và có một số người không đóng hụi chết nên ông bà không có tiền giao hụi cho các hụi viên. Nay ông đồng ý cùng vợ là bà L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền hụi còn nợ là 18.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn phải trả tiền hụi cho nhiều người nên ông xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông đã thông báo cho bà L1 nội dung bà L khởi kiện nhưng hiện bà L1 đi làm nên không thể đến Tòa theo giấy mời của Tòa án được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiệu tập hợp lệ bà L1, nhưng bà L1 đều vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị L1 và ông Nguyễn Hoàng T trả số tiền hụi còn nợ là 18.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà L1 và ông T có nơi cư trú tại ấp Mỹ Chánh 2, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bà L1 và ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1 và ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 30/8/2020, bà L có tham gia 01 dây hụi do bà L1 và ông T làm chủ hụi, hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, khui ngày 30/8/2020, gồm 27 phần, bà L tham gia 01 phần, hụi mãn vào tháng 2/2023, bà đã đóng được 11 tháng với số tiền 18.000.000 đồng, bà chưa hốt hụi. Đến khoảng tháng 9/2021 bà L1 tuyên bố vỡ hụi, ngưng thu tiền hụi của bà L và đến nay bà L1, ông T cũng chưa trả lại số tiền hụi đã đóng cho bà L.

Khi bà L1 tuyên bố vỡ hụi, ngưng thu tiền hụi của bà L từ tháng 9/2021 đến nay, tuy hai bên không lập giấy tờ thỏa thuận số tiền bà L đã đóng cho bà L1 và ông T, nhưng tại phiên hòa giải ông T thừa nhận bà L đã đóng hụi số tiền 18.000.000 đồng, các bên không điều chỉnh gì thêm. Bà L1 vắng mặt, nhưng bà L1 cũng không có bất kỳ văn bản nào phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Do đó, lời thừa nhận này là chứng cứ có thật theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hiện tại các bên đều xác định dây hụi ngày 30/8/2020 đã ngưng. Xét việc tham gia chơi hụi giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, việc này có xảy ra trên thực tế và các bên đã thừa nhận. Dây hụi ngày 30/8/2020 đã ngưng,

nhưng bà L1 và ông T chưa trả lại cho bà L số tiền hụi đã đóng. Do đó, bà L khởi kiện là có cơ sở. Ông T xác định ông và bà L1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, tuy ông không trực tiếp đứng ra làm chủ hụi nhưng ông có phụ bà L1 thu tiền hụi và đồng ý cùng bà L1 trả tiền hụi cho bà L. Do đó, việc bà L yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà L1 trả tiền hụi cho bà là cơ sơ sở để chấp nhận. Ông T có ý kiến xin trả dần số tiền 18.000.000 đồng mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Đề nghị này bà L không đồng ý nên Tòa án chỉ buộc bà L1 và ông T có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 18.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L được chấp nhận nên bà Đỗ Thị L1 và ông Nguyễn Hoàng T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.000.000 x 5% = 900.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 288, 357, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 147, 192, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L. Buộc bà Đỗ Thị L1 và ông Nguyễn Hoàng T liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền hụi còn nợ là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

- Buộc bà Đỗ Thị L1 và ông Nguyễn Hoàng T liên đới trách nhiệm nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng.

- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004617 ngày 18/01/2022.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đỗ Thị L1, ông Nguyễn Hoàng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan